

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index chính thức chinh phục thành công ngưỡng 1,300 điểm nhờ lực cầu trở lại tốt trong phiên chiều sau phiên sáng có phần thận trọng. Dòng tiền lan tỏa mạnh mẽ ở hầu hết các nhóm ngành và các cổ phiếu vốn hóa lớn giúp VN-Index chính thức đóng cửa tại mốc 1,300.19 điểm - tăng 15.78 điểm so với phiên hôm trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay tiếp tục chứng kiến phiên bán ròng trên HSX và mua ròng trên HNX, áp lực bán ròng nhiều khả năng tiếp tục chịu sức ép đến từ hoạt động thanh lý các cổ phiếu thuộc ETF iShares sau thông tin BlackRock giải thể quỹ này. Thanh khoản chưa thực sự cải thiện rõ rệt tuy nhiên dòng tiền nhà đầu tư trong nước tiếp tục cho thấy sự bền bỉ trước hoạt động bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài, VN-Index cần thời gian để kiểm định ngưỡng 1,300 điểm trước khi xác định xu hướng tiếp theo.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 12/06/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+15.78** điểm, đóng cửa tại **1300.19** điểm. HNX-Index **+1.90** điểm, đóng cửa tại **248.31** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+2.25)**, **VCB (+2.07)**, **FPT (+1.77)**, **HPG (+0.79)**, **BID (+0.77)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.19)**, **POW (-0.08)**, **STG (-0.05)**, **DHG (-0.03)**, **PLX (-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,131** tỷ đồng, giảm **-9.50%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,225 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.64 điểm. Thị trường có **313** mã tăng, 64 mã tham chiếu, **124** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-590.66** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-495.30 tỷ)**, **VHM (-184.15 tỷ)**, **VRE (-102.10 tỷ)**, **VNM (-89.56 tỷ)**, **VPB (-61.00 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **104.28** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.46%**. Các mã diễn biến tích cực: **VPB (+6.01%)**, **FPT (+4.35%)**, **PNJ (+2.76%)**.
- BSC50 **+0.76%**. Các mã diễn biến tích cực: **PTB (+3.41%)**, **IJC (+2.90%)**, **VTP (+2.44%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.46%	0.76%	1.23%	1.80%
1 tuần	0.83%	0.59%	0.00%	0.66%
1 tháng	1.35%	1.62%	0.92%	1.22%
3 tháng	2.54%	0.76%	1.00%	1.98%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,300.19	248.31	99.14
% 1D	1.23%	0.77%	0.19%
GTGD (tỷ VND)	20,131	1,568	1,516
%1D	-9.50%	-11.36%	7.68%
GDNN (tỷ VND)	-590.66	104.28	-50.84

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	138.57	FPT	-495.30
MSN	88.78	VHM	-184.15
SSI	61.19	VRE	-102.10
SGN	40.54	VNM	-89.56
HAH	35.23	VPB	-61.00

Thị trường thế giới

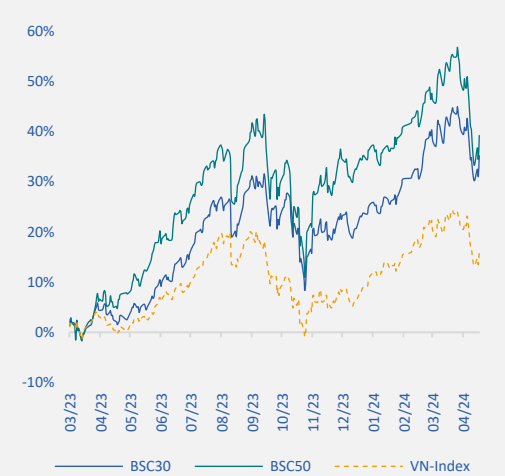
		%D	%W
SPX	5,375	0.27%	1.59%
FTSE100	8,211	0.78%	-0.43%
Eurostoxx	4,984	0.25%	-0.90%
Shanghai	3,037	0.31%	-1.74%
Nikkei	38,895	-0.60%	1.12%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	82.44	0.63%
Giá vàng	2,334	0.17%
Tỷ giá		
USD/VND	25,453	-0.04%
EUR/VND	28,426	1.11%
JPY/VND	168	1.82%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.9%	0.00%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



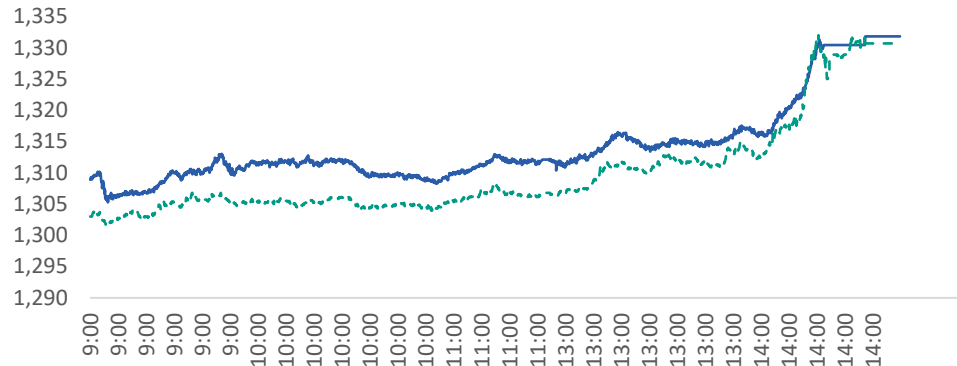
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1329	1.83%	124	12.73%	9/19/2024	99
VN30F2412	1327	1.62%	37	0.0%	12/19/2024	190
VN30F2407	1329.9	1.90%	2208	45.94%	7/18/2024	36
VN30F2406	1330.7	1.97%	233663	6.87%	6/20/2024	8

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -2.80 điểm, đóng cửa tại 1308.3 điểm. Biên độ dao động 16.66 điểm. Các cổ phiếu như VHM, VJC, MSN, ACB, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên dưới tham chiếu. Hiện các blue-chips vẫn giằng co và VN30 chưa rõ tín hiệu vượt đỉnh. Nhà đầu tư nên chú ý đến basic và giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409, Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2318	7/15/2024	33	5,400	-52.38%	9.90	6,620	14.9%	15.27	62.86	132.00	132.00
CFPT2313	8/9/2024	58	1,200,600	-51.36%	10.00	5,420	13.2%	12.21	64.20	132.00	132.00
CFPT2317	11/21/2024	162	523,800	-52.23%	10.10	3,530	12.1%	8.14	63.05	132.00	132.00
CFPT2314	1/9/2025	211	347,700	-47.95%	10.00	5,870	11.6%	12.23	68.70	132.00	132.00
CFPT2310	8/5/2024	54	62,000	-41.90%	8.45	8,630	11.2%	15.63	76.69	132.00	132.00
CFPT2316	7/22/2024	40	76,500	-41.36%	8.20	6,920	8.0%	12.38	77.40	132.00	132.00
CMBB2315	1/9/2025	211	1,143,400	-68.15%	1.96	1,380	7.0%	5.42	7.36	23.10	23.10
CMWG2318	7/22/2024	40	467,400	-59.40%	4.20	3,590	6.2%	9.87	25.74	63.40	63.40
CMWG2316	8/23/2024	72	206,600	-66.21%	4.80	2,770	5.7%	9.77	21.42	63.40	63.40
CACB2306	7/22/2024	40	348,700	-67.83%	1.85	2,400	5.3%	9.01	7.90	24.55	24.55
CMWG2314	1/9/2025	211	568,800	-65.46%	5.20	1,670	5.0%	5.83	21.90	63.40	63.40
CMBB2318	9/23/2024	103	75,800	-65.94%	1.76	1,560	4.7%	5.46	7.87	23.10	23.10
CACB2304	9/25/2024	105	104,700	-68.21%	1.93	2,330	4.0%	8.98	7.80	24.55	24.55
CHPG2342	11/21/2024	162	224,700	-62.54%	2.18	980	3.2%	3.02	11.09	29.60	29.60
CPDR2305	6/26/2024	14	159,700	-63.94%	1.83	2,070	2.5%	6.64	9.30	25.80	25.80
CVIB2306	8/23/2024	72	7,300	-61.83%	1.61	3,790	1.3%	11.31	8.76	22.95	22.95
CTCB2310	10/9/2024	119	1,837,600	-58.58%	3.39	2,200	0.5%	5.94	20.46	49.40	49.40
CTCB2309	9/25/2024	105	125,800	-60.74%	3.39	5,500	0.0%	15.83	19.40	49.40	49.40
CTCB2307	8/5/2024	54	3,900	-58.77%	3.30	4,400	0.0%	11.89	20.37	49.40	49.40
CTCB2312	7/15/2024	33	7,100	-57.67%	3.16	6,100	-0.3%	15.90	20.91	49.40	49.40

Chú thích:

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

• Trong phiên giao dịch ngày 12/06/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

• CVNM2306 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 50.00%. CFPT2313 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.57%.

• CFPT2316, CFPT2310, CFPT2314, CFPT2313, và CFPT2317 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

CTCB2401, CTCB2312, CTCB2309, CFPT2310, và CFPT2318 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	132.00	4.35%	6.10
VPB	19.40	6.01%	5.47
HPG	29.60	1.72%	1.60
MBB	23.10	2.44%	1.59
MSN	77.80	2.64%	1.45

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
SAB	132.00	-0.89%	-0.08
POW	19.40	-1.06%	-0.07
PLX	29.60	-0.23%	-0.01

BSC Research

Bloomberg: RESP BSCV

Trang|2

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	19.40	6.01%	2.25	7.93
VCB	88.70	1.72%	2.07	5.59
FPT	132.00	4.35%	1.77	1.27
HPG	29.60	1.72%	0.79	6.40
BID	47.90	1.16%	0.77	5.70

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	45.40	2.02%	0.31	0.48
HUT	18.60	1.64%	0.19	0.89
MBS	34.90	1.75%	0.19	0.44
SHS	19.50	1.56%	0.18	0.81
NTP	59.20	2.42%	0.13	0.13

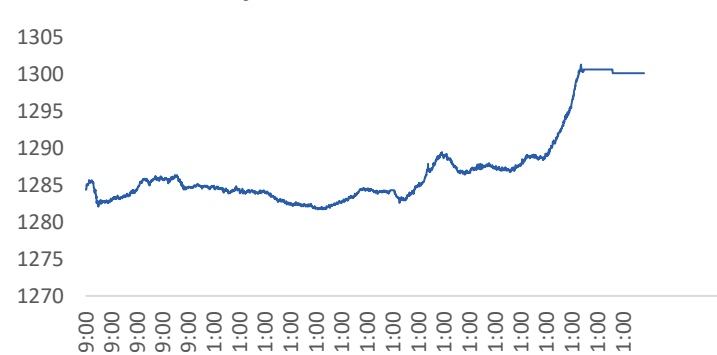
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CCI	21.45	6.99%	0.01	0.10
ACG	44.35	6.99%	0.12	0.23
PAC	50.80	6.89%	0.04	0.45
SSC	33.50	6.87%	0.01	0.01
SFC	22.85	6.78%	0.00	0.01

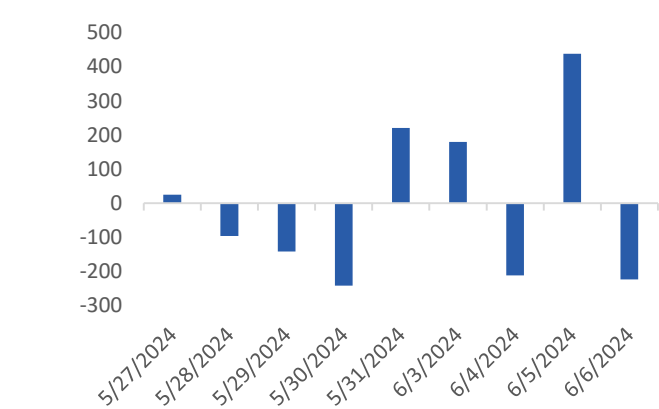
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
Mã	40.00	10.00%	0.05	0.00
TMX	9.00	10.00%	0.02	0.00
PSI	8.10	9.88%	0.20	0.70
CMS	14.50	9.66%	0.15	0.57
CTT	16.80	9.52%	0.03	0.01

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SAB	67.00	-0.89%	-0.19	1.28
POW	14.00	-1.06%	-0.08	2.34
STG	41.60	-5.45%	-0.05	0.10
DHG	116.60	-0.85%	-0.03	0.13
PLX	43.10	-0.23%	-0.03	1.27

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNT	44.20	-9.80%	-0.05	0.02
VCS	80.80	-0.25%	-0.02	0.16
SEB	47.50	-2.06%	-0.02	0.03
PCT	10.40	-5.45%	-0.02	0.05
CSC	35.90	-2.18%	-0.02	0.03

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNC	49.30	-7.00%	-0.01	0.01
PSH	6.60	-6.67%	-0.01	5.00
TDW	49.90	-6.61%	-0.01	0.00
COM	33.10	-6.04%	-0.01	0.00
NVT	8.45	-5.80%	-0.01	0.00

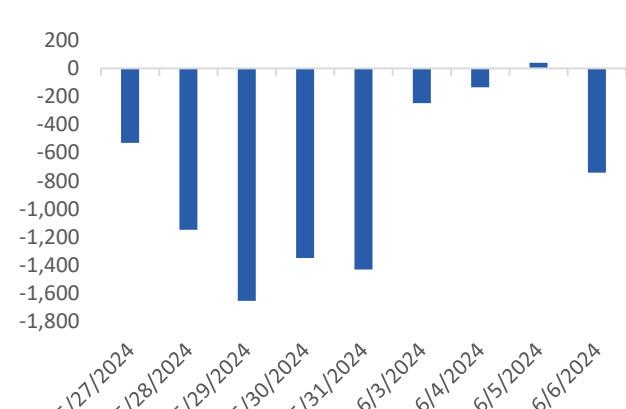
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HMR	32.40	-9.88%	-0.06	0.34
VNT	49.00	-9.80%	-0.27	0.00
NAP	12.10	-9.09%	-0.08	0.00
VTC	11.00	-9.09%	-0.02	0.01
NHC	32.00	-9.06%	-0.03	0.00

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	88.7	1.70%	0.6	19,676	7.9	5,838	15.2	-	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	47.9	1.20%	1.0	10,837	5.0	3,841	12.5	-	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	6.00%	1.0	6,109	53.8	1,397	13.9	-	27.1%	Link
TCB	Ngân hàng	49.4	0.10%	1.1	6,906	18.0	5,600	8.8	-	22.3%	Link
MBB	Ngân hàng	23.1	2.40%	1.0	4,847	23.1	3,818	6.1	26,600	23.0%	Link
STB	Ngân hàng	31.4	0.50%	1.0	2,346	13.4	4,206	7.5	-	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	33.5	0.90%	1.2	7,140	10.1	3,751	8.9	-	296.3%	Link
ACB	Ngân hàng	24.6	1.70%	0.8	4,352	10.1	4,072	6.0	-	26.1%	Link
SSI	Chứng khoán	36.6	2.20%	1.2	2,192	39.7	1,704	21.5		43.0%	Link
IDC	Xây dựng	62.8	0.60%	1.2	822	3.3	5,880	10.7	65,700	23.7%	Link
HPG	VLXD	29.6	1.70%	1.2	7,514	22.7	1,601	18.5	41,500	22.8%	Link
HSG	VLXD	24.6	1.00%	1.7	600	11.6	1,423	17.2	-	20.3%	Link
VHM	BĐS	38.5	0.90%	1.1	6,654	18.9	5,074	7.6	108,300	16.8%	Link
KDH	BĐS	38.0	2.00%	1.4	1,204	7.0	726	52.3	44,500	39.0%	Link
NLG	BĐS	43.5	1.20%	1.5	664	3.6	1,040	41.8	-	49.3%	Link
DGC	Hóa chất	123.2	1.00%	1.4	1,857	8.6	7,845	15.7	115,000	19.0%	Link
DCM	Phân bón	39.4	0.50%	1.3	829	6.5	2,313	17.1	46,100	8.9%	Link
GAS	Dầu khí	80.4	0.10%	0.6	7,329	4.3	4,688	17.1	-	2.1%	Link
PVS	Dầu khí	45.4	2.00%	1.0	861	10.1	1,992	22.8	-	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	32.4	1.10%	1.2	716	6.4	1,200	27.0	38,400	16.9%	Link
POW	Dầu khí	14.0	-1.10%	0.8	1,301	7.8	350	40.0	17,100	4.4%	Link
VHC	Thủy sản	76.0	0.90%	1.2	677	2.4	3,774	20.1	108,500	30.7%	Link
GMD	Logistics	85.7	-0.30%	0.9	1,056	5.8	8,430	10.2	90,400	47.7%	Link
VNM	Bán lẻ	67.0	0.80%	0.7	5,558	9.1	4,408	15.2	93,100	50.6%	Link
MSN	Bán lẻ	77.8	2.60%	1.3	4,648	18.0	215	361.3	-	26.4%	Link
MWG	Bán lẻ	63.4	1.80%	1.4	3,679	12.6	717	88.4	-	47.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	96.9	2.80%	1.0	1,287	5.8	5,860	16.5	112,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	66.0	2.60%	1.8	438	8.7	2,200	30.0	66,600	23.7%	Link
FPT	Bán lẻ	132.0	-9.90%	1.0	6,653	58.8	5,335	24.7	107,900	48.6%	Link
CTR	Hạ tầng	133.2	0.50%	1.2	605	1.4	4,582	29.1	-	9.7%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.0	1.90%	0.9	2,774	6.2	3,809	6.3	1.5	17.9%	25.4%
VIB	Ngân hàng	23.0	0.20%	1.2	2,311	4.8	3,315	6.9	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.4	1.40%	1.2	1,612	4.9	2,050	9.0	1.2	28.1%	13.7%
MSB	Ngân hàng	15.0	0.70%	1.2	1,187	2.6	2,310	6.5	0.9	29.6%	16.0%
EIB	Ngân hàng	19.2	1.30%	1.0	1,327	7.0	1,147	16.7	1.5	3.2%	10.1%
HCM	Chứng khoán	29.9	1.70%	1.6	835	10.0	1,175	25.4	2.5	45.5%	8.3%
VCI	Chứng khoán	51.2	0.40%	1.8	889	8.8	1,409	36.3	2.7	19.3%	7.1%
VND	Chứng khoán	18.0	1.70%	1.5	1,091	7.6	2,057	8.8	1.3	12.8%	13.1%
BSI	Chứng khoán	60.8	0.70%	1.7	489	1.9	2,208	27.5	2.6	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	19.5	1.60%	1.7	629	14.3	1,076	18.1	1.5	9.7%	5.7%
CTD	Xây dựng	74.0	-0.30%	1.2	294	2.3	2,709	27.3	0.9	45.8%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.3	0.80%	1.5	217	1.7	833	16.0	0.6	8.5%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.1	1.70%	1.6	93	1.3	655	18.5	0.9	2.1%	4.6%
SZC	Xây dựng	43.0	0.70%	1.1	307	3.1	1,515	28.4	2.6	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	95.1	-0.70%	1.3	686	1.1	5,701	16.7	4.5	1.4%	26.9%
PHR	BĐS KCN	62.4	-1.00%	1.1	336	0.6	3,448	18.1	2.3	18.3%	18.3%
DIG	BĐS	27.8	0.90%	1.9	672	9.6	(38)	-722.9	2.2	4.6%	2.1%
CEO	BĐS	18.7	1.60%	1.3	382	3.3	312	60.0	1.6	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	31.6	0.60%	1.6	963	8.7	1,262	25.0	1.3	21.2%	11.7%
VGC	BĐS KCN	56.6	0.20%	1.2	1,007	1.6	2,746	20.6	3.1	5.3%	12.5%
GVR	BĐS KCN	35.8	0.40%	1.5	5,676	4.6	628	56.9	2.8	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	26.6	0.00%	1.6	277	7.9	1,222	21.7	1.3	15.6%	2.3%
BMP	Vật liệu	107.4	-0.80%	0.9	349	1.0	11,594	9.3	3.1	83.8%	39.1%
IJC	Hạ tầng	16.0	2.90%	1.5	239	4.1	865	18.4	1.3	4.7%	10.3%
DXG	BĐS	16.8	1.50%	1.9	479	3.2	420	39.9	1.1	19.7%	1.1%
VRE	Bất động sản	21.8	0.70%	1.3	1,971	6.9	1,966	11.1	1.3	26.7%	12.4%
PDR	Bất động sản	25.8	1.80%	1.7	894	4.5	964	26.8	2.0	6.3%	7.2%
DIG	Bất động sản	27.8	0.90%	1.9	672	9.6	(38)	-722.9	2.2	4.6%	2.1%
HUT	Xây dựng	18.6	1.60%	1.4	659	2.1	73	254.6	1.7	0.0%	0.7%
C4G	Xây dựng	10.1	1.00%	1.4	-	0.3	433	23.3	1.0	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	72.6	0.60%	1.6	127	2.6	4,370	16.6	2.2	4.0%	16.1%
DHC	Hóa chất	41.9	1.00%	1.1	134	1.0	3,461	12.1	1.8	39.6%	17.2%
DRC	Cao su	35.1	0.00%	0.8	166	1.1	2,286	15.4	2.2	12.8%	13.2%
PC1	Điện	29.0	0.70%	1.3	358	3.1	651	44.5	1.7	8.0%	4.1%
HDG	BĐS	34.8	0.10%	1.3	422	7.6	2,061	16.9	1.7	17.1%	12.9%
GEX	Điện	23.6	1.30%	1.8	796	8.6	625	37.7	1.6	9.4%	4.1%
QTP	Điện	16.8	0.00%	0.6	-	0.3	1,549	10.8	1.4	1.2%	10.8%
PLX	O&G	43.1	-0.20%	0.9	2,174	2.6	2,570	16.8	2.0	17.6%	10.7%
BSR	O&G	23.2	0.00%	1.1	-	7.8	2,588	9.0	1.2	0.0%	15.6%
PLC	O&G	28.9	-0.30%	1.5	93	0.4	1,112	26.0	1.8	0.4%	8.4%
ANV	Thủy sản	35.4	0.90%	1.4	187	1.9	(252)	-140.2	1.6	0.8%	1.5%
PTB	Gỗ	75.9	3.40%	0.7	202	1.6	4,765	15.9	1.9	24.3%	10.6%
VSC	Logistics	23.2	-0.60%	1.5	246	8.9	532	43.6	2.1	3.1%	6.2%
HAH	Logistics	48.6	0.20%	1.4	204	8.4	3,081	15.8	1.9	7.2%	12.1%
VTP	Logistics	79.7	2.40%	1.4	385	3.2	2,980	26.7	5.9	6.8%	25.6%
DBC	Logistics	35.8	0.30%	1.7	343	3.8	1,729	20.7	1.8	11.9%	0.5%
FRT	Bán lẻ	176.0	2.00%	0.8	952	5.6	(2,215)	-79.5	14.2	35.5%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.0	0.60%	0.7	-	1.3	6,737	7.4	2.0	15.2%	27.3%
TNG	Dệt may	27.0	0.00%	1.2	122	2.0	1,981	13.6	1.7	19.2%	12.5%
PVT	O&G	31.3	-0.60%	0.9	442	5.2	3,150	9.9	1.4	13.3%	14.3%
DPM	Phân bón	38.8	-0.40%	1.3	603	5.5	1,372	28.3	1.3	8.9%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639